

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **150/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 30 /7/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Phan Thanh Tùng - Cán bộ Trung tâm y tế huyện Hàm Yên.

2. Ông: Bà Phan Thị Bích - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quan Thị T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

- Bị đơn: Anh Bàn Văn Q, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Quan Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàn Văn Q kết hôn với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2013 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng hay cãi chửi nhau và vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, trong thời gian sống

ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn Q.

- *Về con chung*: Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Bàn Minh Đ, sinh ngày 31/7/2014, hiện nay cháu đang sinh sống cùng với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đức đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn anh Bàn Văn Q vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai anh Q trình bày (bút lục số 21)*:

Anh và chị Quan Thị T chung sống với nhau từ năm 2013 có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2013 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh hay mải chơi, không tu chí làm ăn. Nay chị T xin ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn chị T quay về đoàn tụ gia đình, nên không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- *Về con chung*: Anh và chị có 01 con chung là cháu Bàn Minh Đ, sinh ngày 31/7/2014. Do không nhất trí ly hôn, nên anh Q không có ý kiến về việc con chung.

- *Về tài sản và vay nợ chung*: Anh Q xác định do không nhất trí ly hôn, nên anh chưa có ý kiến gì.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

- *Về nội dung*: Chị T và anh Q kết hôn với nhau năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 12/11/2013, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện chị T và anh Q sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã trầm trọng. Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Bộ luật tố tụng dân sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và xử cho chị Quan Thị T được ly hôn với anh Bàn Văn Q. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Bàn Minh Đ, sinh ngày 31/7/2014 cho chị Quan Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Quan Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Bàn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Quan Thị T và anh Bàn Văn Q kết hôn với nhau từ năm 2013 có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2013 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy hôn nhân giữa chị Quan Thị T và anh Bàn Văn Q là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị T xác định cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không thể hòa hợp được, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện chị Quan Thị T và anh Bàn Văn Q kết hôn với nhau từ năm 2013, sau khi kết hôn chị T và anh Q sinh sống tại thôn N, xã Tân T, huyện Y, chị T và anh Q chung sống với nhau đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Do không chung sống cùng anh Q được, nên chị T chuyển về nhà bố, mẹ của chị T để sinh sống và chị T và anh Q sống ly thân từ đó đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh Q không nhất trí ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu và trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Do đó giữa chị T và anh Q không thể tồn tại được một gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh Q có 01 con chung là cháu Bàn Minh Đ, sinh ngày 31/7/2014, hiện nay cháu đang sinh sống cùng với chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đ đến khi trưởng thành. Qua xác minh tại địa phương xác định anh Q không có việc làm ổn định, anh Q chưa có nhà riêng mà hiện tại đang ở cùng nhà với người em trai và hiện tại anh Q đang nuôi một con riêng (*là con của anh Q với người vợ trước*). Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu Bàn Minh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Bàn Minh Đ, sinh ngày 31/7/2014 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Do chị T không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về vay nợ chung*: Chị T xác định không có không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Quan Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 147; 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Quan Thị T được ly hôn với anh Bàn Văn.

- *Về con chung*: Giao cháu Bàn Minh Đ, sinh ngày 31/7/2014 cho chị Quan Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Bàn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về án phí*: Chị Quan Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002063, ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Bàn Văn Q không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục T.H.A DS huyện Y;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Văn Tuyến

\

